

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2018

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Phạm Thanh Trà;

2/- Bà Lý Thị Bé Năm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 138/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Mỹ T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

2/- Bị đơn: Anh **Trần Ngọc L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số Z, khu phố X, phường C, thị xã V, tỉnh Tiền Giang.

Chị T và anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay của nguyên đơn Ngô Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Trần Ngọc L chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh L không lo làm ăn, cờ bạc, cuộc sống không có hạnh phúc, không hòa giải hàn gắn được.

- Về con chung: Anh, chị có 01 đứa con chung tên Trần Gia K sinh ngày 02/8/2009, hiện do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Những vấn đề Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc L; Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn anh Trần Ngọc L không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa: Chị T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt không lý do.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Ngô Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị T.

Anh Trần Ngọc L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên xem như anh từ bỏ quyền tham gia phiên tòa và quyền đưa ra tài liệu, chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Ngô Thị Mỹ T và anh Trần Ngọc L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cai Lậy cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146 ngày 01/8/2008.

Theo trình bày của Chị T tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không hợp tính tình, anh L không lo làm ăn, cờ bạc, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải, anh L không có văn bản phản đối yêu cầu của Chị T, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh L thực tế có phát sinh nên anh chị đã ly thân với nhau từ cuối năm 2009 kéo dài đến nay; anh L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa anh và Chị T.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh L không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho Chị T được ly hôn với anh L.

[3]. Về con chung:

Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Trần Gia K sinh ngày 02/8/2009 là con chung giữa chị và anh L.

Tại phiếu lấy ý kiến con chưa thành niên cháu Gia K có nguyện vọng được sống chung với Chị T.

Anh L không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: cháu Gia K hiện đang sống ổn định với Chị T, yêu cầu nuôi con của Trinh là phù hợp theo nguyện vọng của cháu K, không trái đạo đức xã hội nên áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu nuôi con của Chị T, giao cháu Gia K cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị T không yêu cầu anh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định giữa chị và anh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia K sinh ngày 02/8/2009 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01496 ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Chị T và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND phường 1, TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Tại phòng nghị án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay,

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Sáng – Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ thị xã Cai Lay;

Bà Nguyễn Thị Thúy Vân – Chi hội trưởng chi hội Luật gia phường 1.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 138/2018/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Mỹ T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã S, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

2/- Bị đơn: Anh **Trần Ngọc L**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số Z, khu phố X, phường C, thị xã V, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

I - Các quy định của pháp luật được áp dụng:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

II. Quan điểm giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Ngô Thị Mỹ T được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia K sinh ngày 02/28/2009 cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu số

01496 ngày 20/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Chị T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

+ Chị T và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA